TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 521/2018/DS-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Khương
Bà Nguyễn Thị Lý
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp– Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp *tham gia phiên tòa:*
Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/DSST ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 446/2018/QĐXX- DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 371/2018/QĐST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V; Trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Q, Thành phố Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông D- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1990
Địa chỉ : Lầu 5 số 144 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh(Có đơn xin vắng mặt)
(Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018).
Bị đơn: Ông V , sinh năm 1974
Hộ khẩu thường trú : Số 22 đường D, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh
Nơi ở hiện nay : Số 945 đường D, tổ 74, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 24 tháng 6 năm 2013, ông V (Gọi tắt là bị đơn) có ký hợp đồng tín dụng số 20130622-500000-0020 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (Gọi tắt là nguyên đơn) để vay số tiền 31.500.000 đồng, lãi suất 3.75%/tháng mục đích vay tiêu dung cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 51.339.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 27 tháng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/8/2013.

Thực hiện hợp đồng bị đơn đã nhận đủ số tiền 31.500.000 đồng và đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 28.524.000 đồng, trong đó tiền gốc đã trả là 13.578.281 đồng và tiền lãi đã trả là 14.945.719 đồng. Kể từ 25/02/2017 cho đến nay bị đơn không thanh toán bất cứ khoản tiền nào mặc dù nguyên đơn đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh lý hợp đồng và trả khoản tiền bao gồm: trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại : 17.921.719 đồng và trả khoản nợ lãi tới hạn là 4.893.281 đồng. Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 22.815.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ và triệu tập bị đơn đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bị đơn không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của nguyên đơn tại địa chỉ số Số 22/3 D, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bị đơn hộ khẩu thường trú tại số Số 22/3 D, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đang thực tế cư trú tại địa chỉ số 945/19/8 D, tổ 74, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tòa án niêm yết cho bị đơn tại 2 địa chỉ trên để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn do bà T là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên bà Tâm vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn và lãi là 22.815.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực

hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 22.815.000 đồng. Thanh toán trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn lại tiền nộp án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20130622-500000-0020 ngày 24/6/2013 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn có nơi cư trú tại số 945/19/8 D, tổ 74, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc:

Căn cứ vào đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 220130622-500000-0020 ngày 24/6/2013 đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào hợp đồng và bảng lịch sử thanh toán thì ngay sau khi ký hợp đồng bị đơn đã nhận đủ tiền vay là 31.500.000 đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 16 lần với số tiền là 28.524.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 13.578.281 đồng còn lại 17.921.719 đồng chưa thanh toán cho nguyên đơn. Tuy nhiên từ ngày 25/02/2017 cho đến nay bị đơn không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 27 kỳ, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 17.921.719 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013 đã thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất 3.75%/ tháng giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ bảng lịch sử thanh toán và bảng tính lãi thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 14.945.719 đồng vì vậy bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 4.893.281 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 22.815.000 (*Hai mươi hai triệu tám trăm mười lăm ngàn) đồng*, trong đó: nợ gốc còn lại :17.921.719 đồng và trả khoản nợ lãi là 4.893.281 đồng.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi suất chậm thi hành án:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không tự nguyện thi hành án đúng hạn thì bị đơn còn phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 trên toàn bộ số tiền gốc cho đến khi thanh toán xong cho nguyên đơn. Xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện và lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thấp hơn lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về số tiền lãi chậm thi hành án.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 570.375 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai tạm ứng số AA/2017/0029206 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 28.524.000 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí là 1.426.200 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010, hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V số tiền 22.815.000 (*Hai mươi hai triệu tám trăm mười lăm ngàn) đồng*, trong đó: nợ gốc còn lại :17.921.719 đồng và trả khoản nợ lãi là 4.893.281 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Dưỡng chưa thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng Việt Nam V thì hàng tháng ông Dưỡng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.426.200 đồng *(Một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng)*.

Hoàn lại số tiền 570.375 đồng tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V theo biên lai thu số AA/2017/0029206 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND quận G;
- Chi cục THA dân sự Q G;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Công Sơn